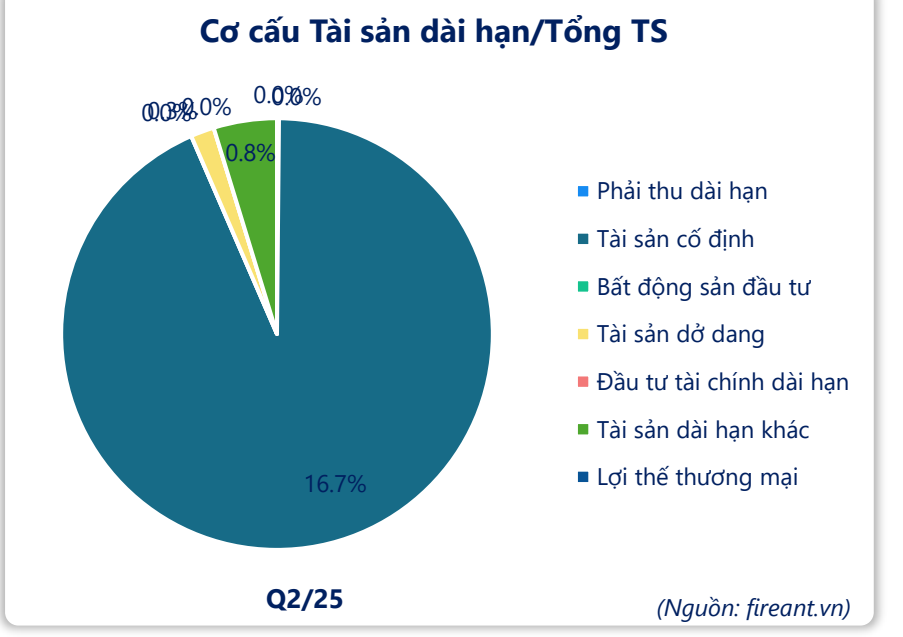
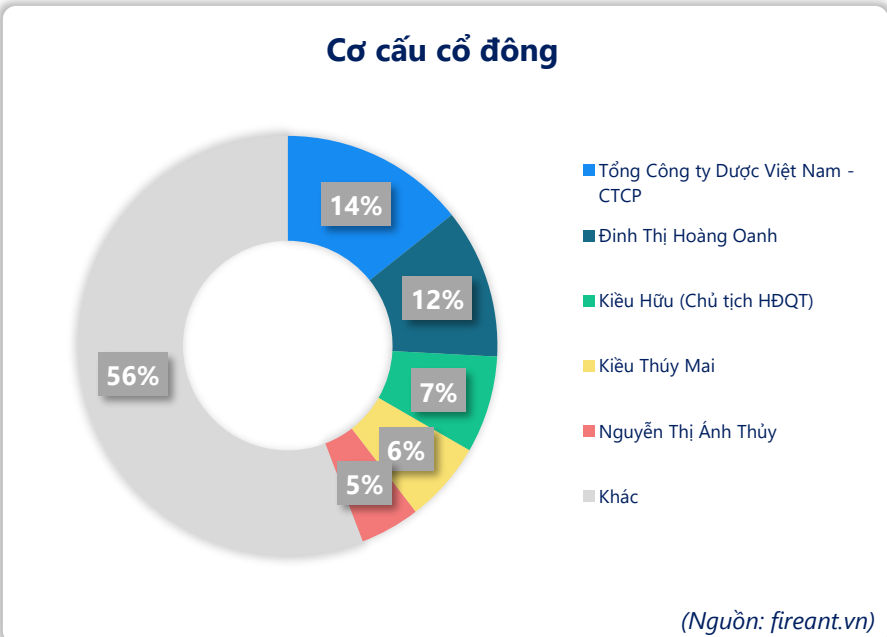
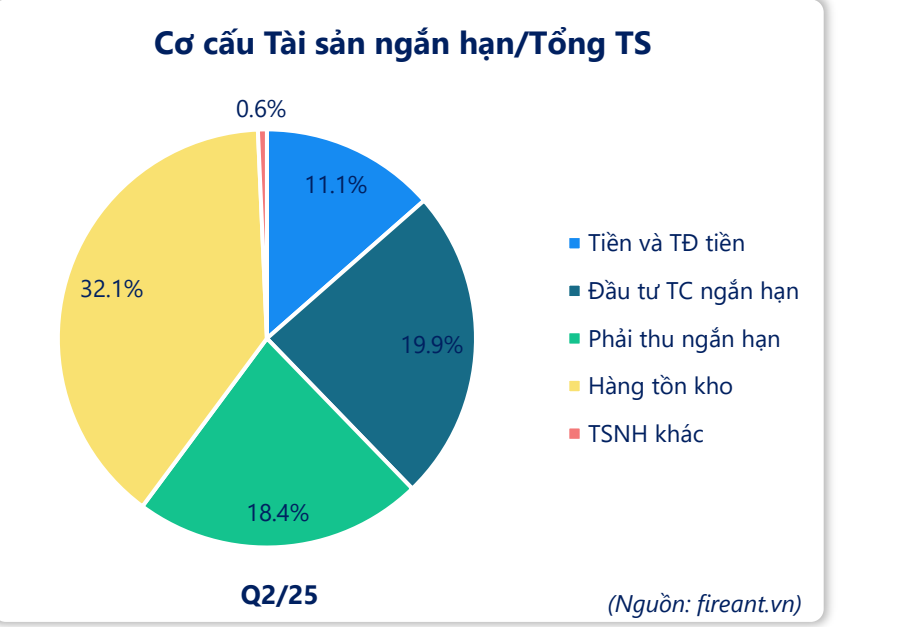
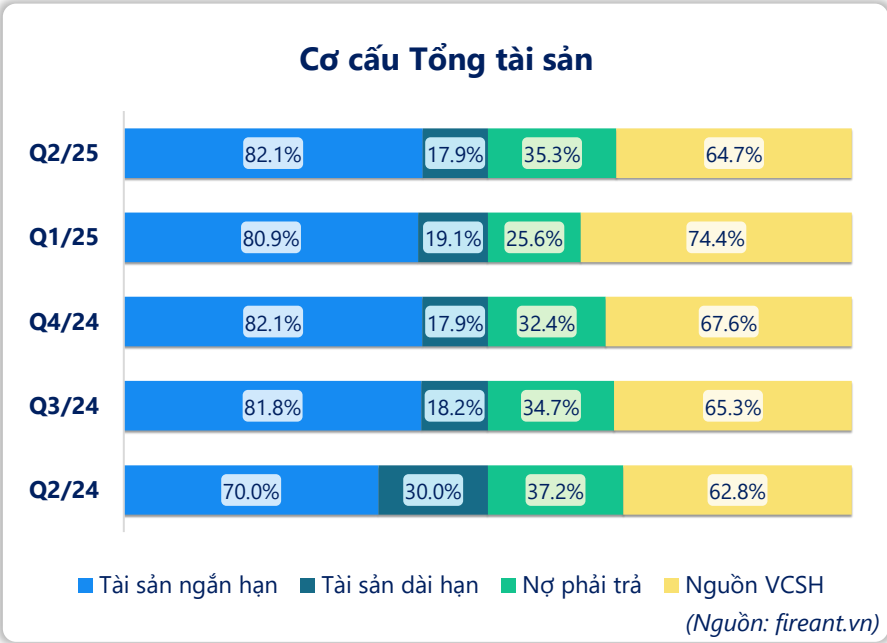
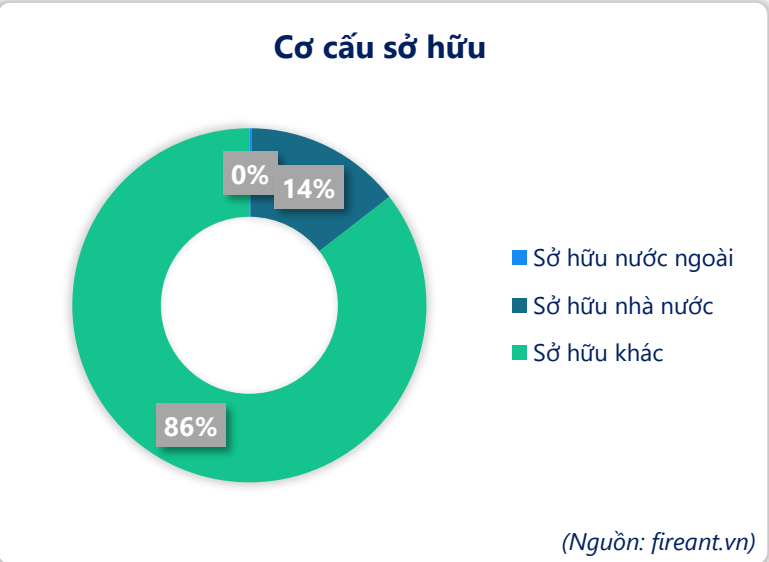
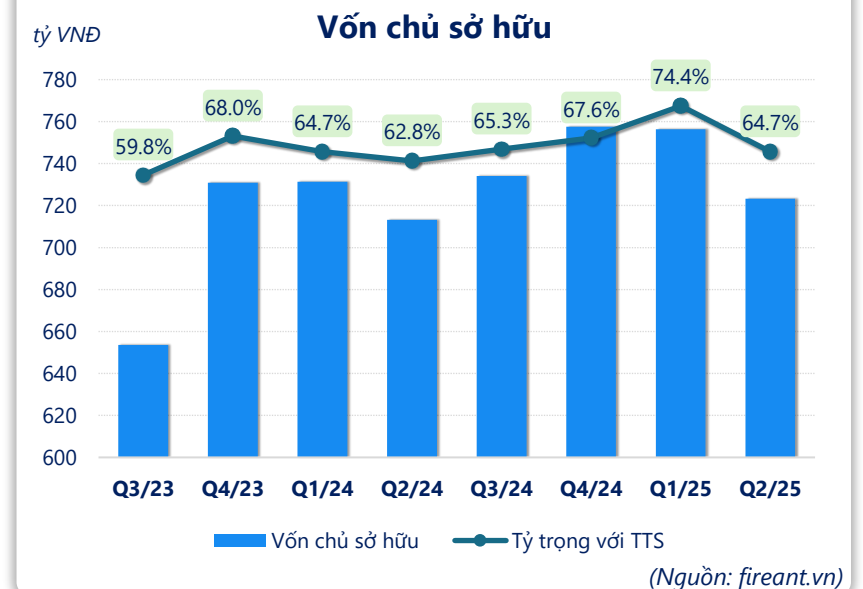
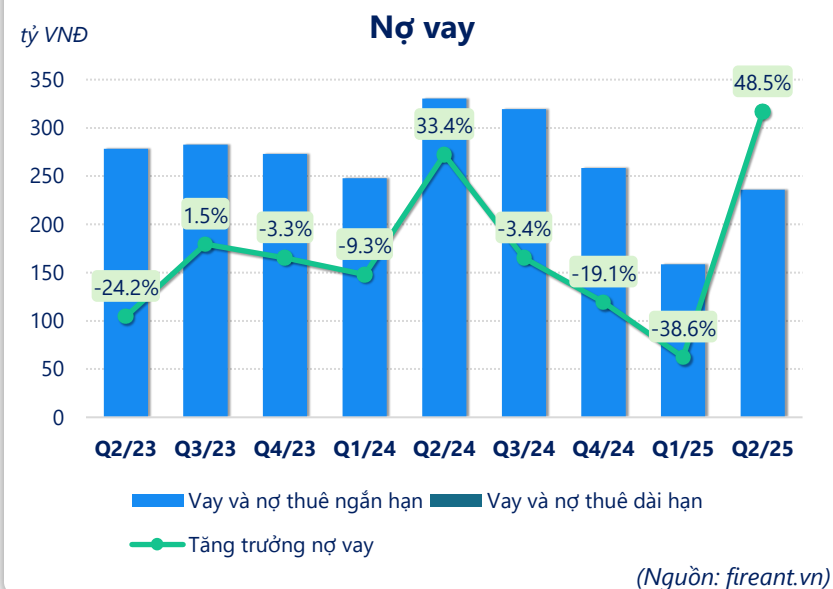
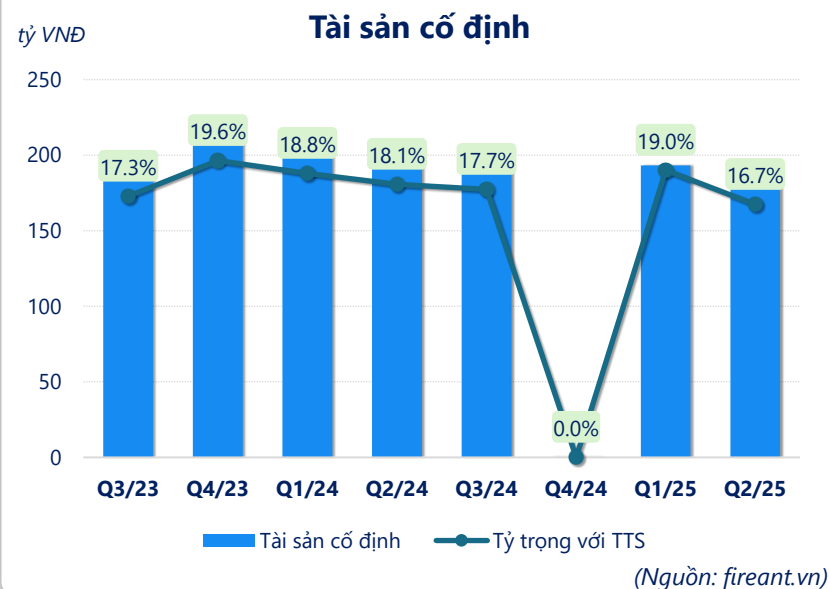
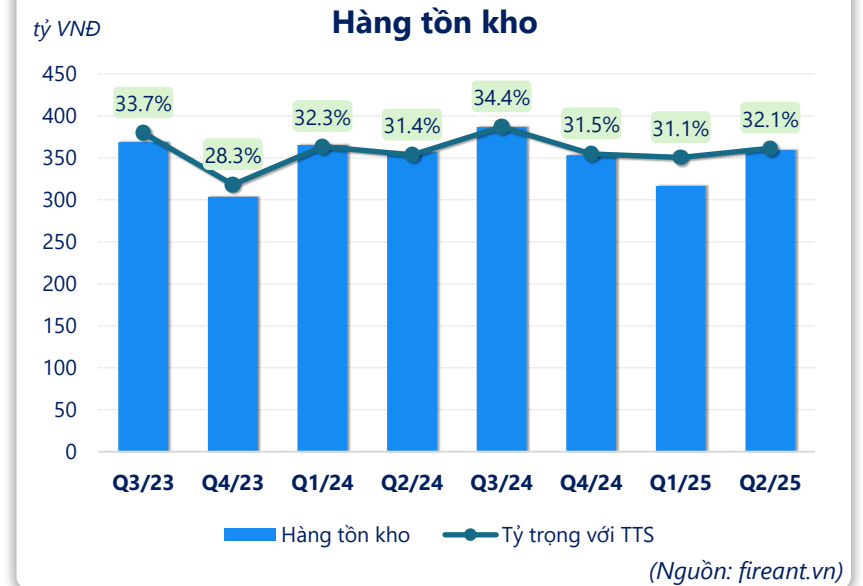
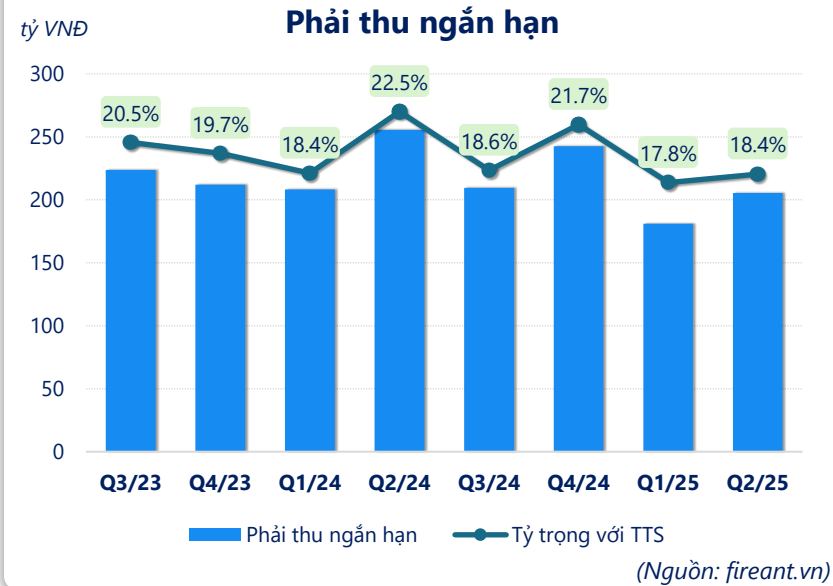
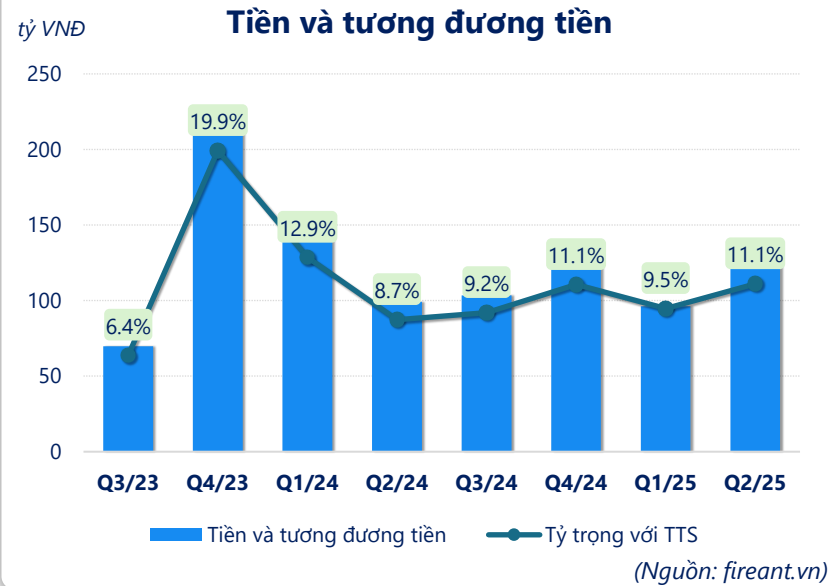
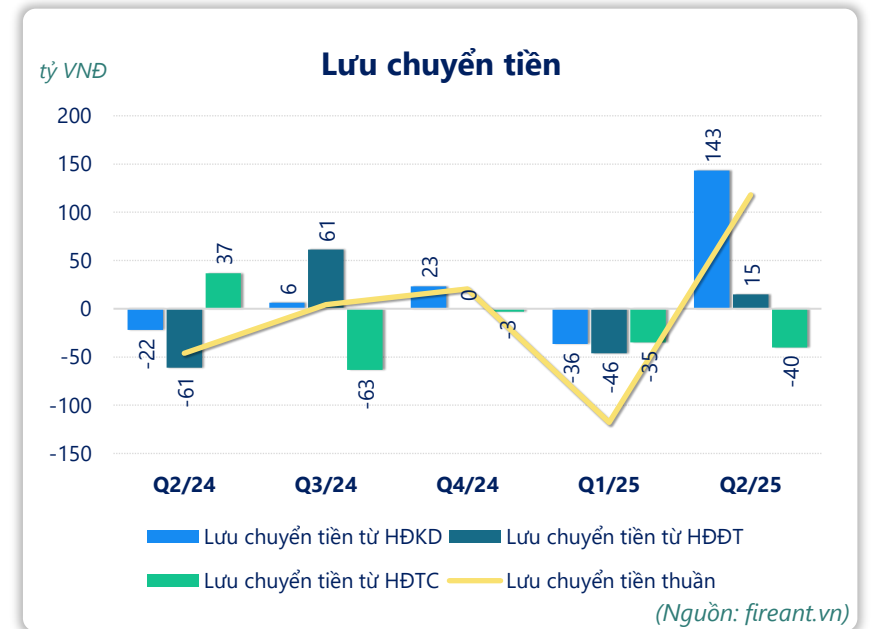
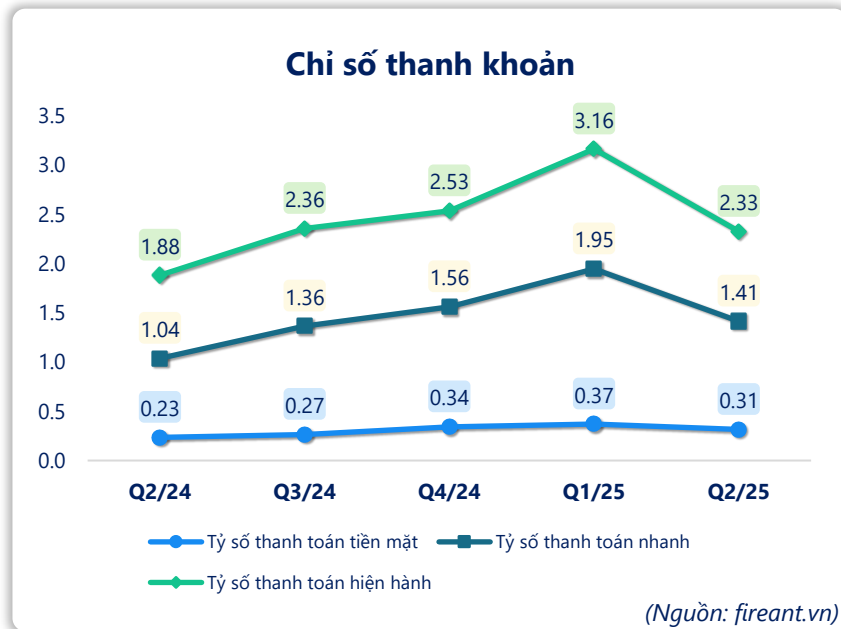
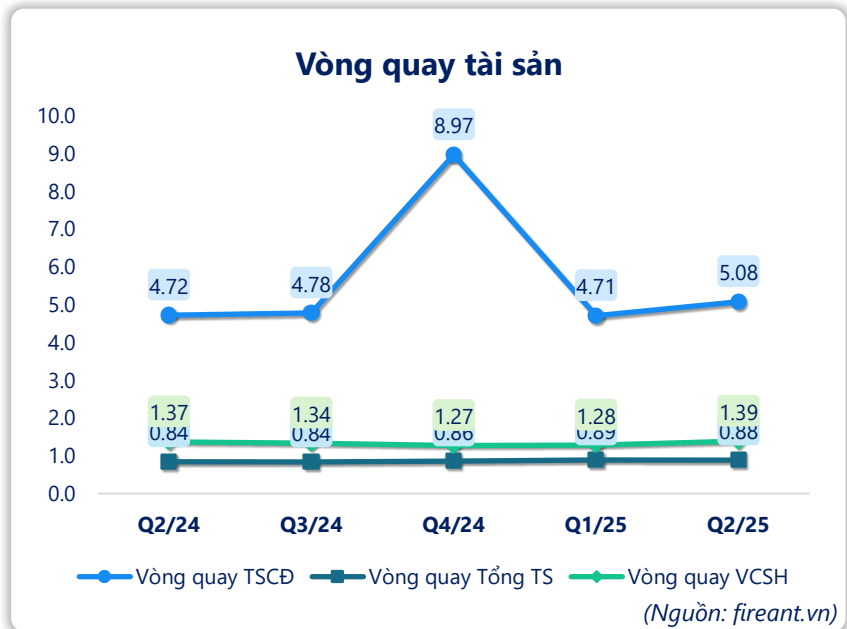
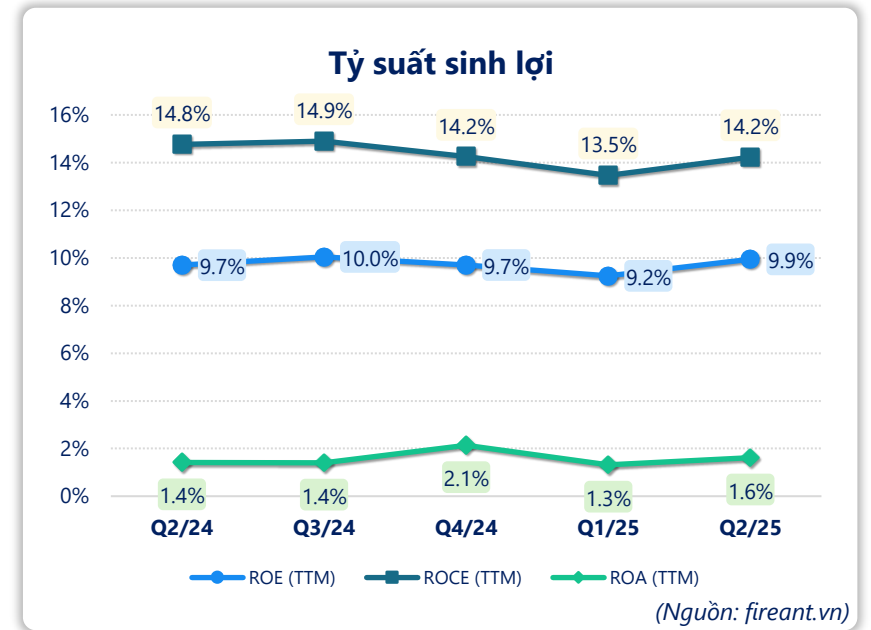
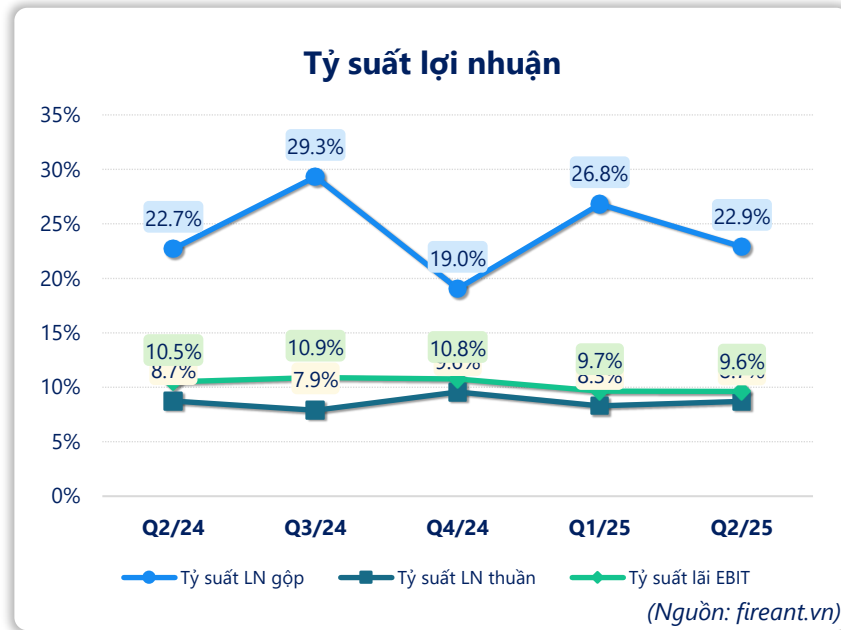
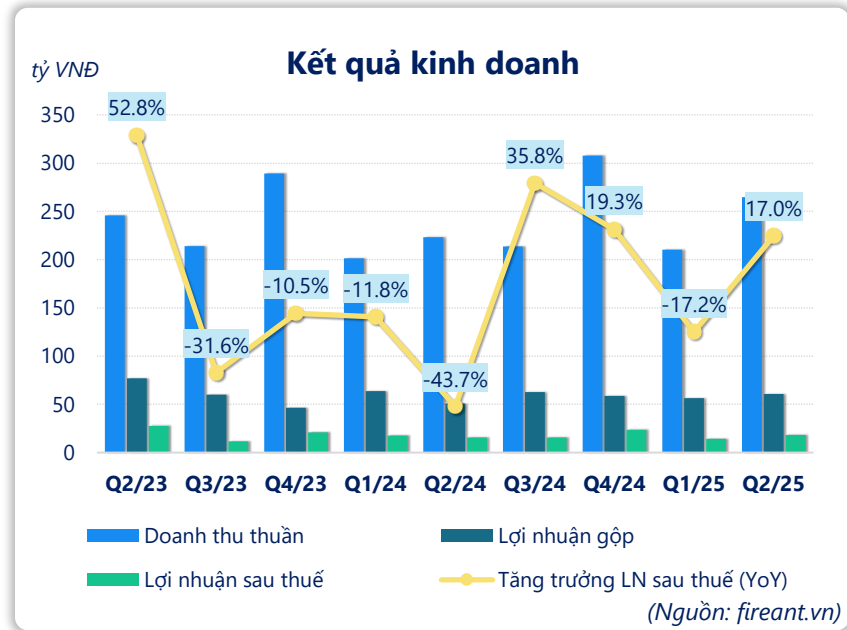


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,717
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,801
SL cổ phiếu LH		22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)		24,374
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		817
P/E		11.4
EPS		3,232

	YTD	1T	3T	6T
VDP	10.3%	2.8%	6.9%	14.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,118	1,126	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	917	922	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	124	124	0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	193	15.3%
Phải thu ngắn hạn	205	256	-19.8%
Hàng tồn kho	359	346	3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.33	3.06	107%
Tài sản dài hạn	200	204	-1.6%
Phải thu dài hạn	0.30	0.42	-29.1%
Tài sản cố định	187	195	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.53	0.11	3142%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.50	8.37	13.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	394	374	5.4%
Nợ ngắn hạn	394	374	5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	236	258	-8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	108	50.7	112%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	723	752	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	723	752	-3.8%
Vốn điều lệ	221	221	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	223	213	308	210	265
Giá vốn hàng bán	172	151	249	154	204
Lợi nhuận gộp	50.7	62.6	58.6	56.4	60.6
Doanh thu HĐTC	7.63	2.53	10.9	0.66	4.47
Chi phí TC	6.48	3.64	3.99	3.62	3.40
Chi phí lãi vay	3.73	3.64	3.64	2.49	2.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.7	26.8	5.11	23.0	25.3
Chi phí QLDN	16.7	17.8	31.0	13.0	13.3
LN thuần từ HĐKD	19.5	16.8	29.4	17.4	23.1
Lợi nhuận khác	0.20	2.77	0.08	0.38	-0.08
LN trước thuế	19.7	19.6	29.5	17.8	23.0
Lợi nhuận sau thuế	15.6	15.6	23.4	14.1	18.2
LNST của CĐ cty mẹ	15.6	15.6	23.4	14.1	18.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.8	6.39	23.3	-36.4	143
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.2	61.2	0	-46.3	14.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.8	-63.3	-2.95	-35.0	-40.1
Tiền đầu kỳ	145	99.2	103	214	96.2
Lưu chuyển tiền thuần	-46.2	4.28	20.4	-118	118
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	-0.05	0	0	0.04
Tiền cuối kỳ	99.2	103	124	96.2	124

(Nguồn: fireant.vn)